

Số: 675 /TB-ĐHH

Thừa Thiên Huế, ngày 02 tháng 6 năm 2016

THÔNG BÁO
Tuyển sinh Cao học lần 2 năm 2016 của Đại học Huế

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ được ban hành theo Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; Quy định về đào tạo trình độ thạc sĩ Ban hành theo Quyết định số 2070/QĐ-ĐHH ngày 14 tháng 11 năm 2014 của Giám đốc Đại học Huế, Đại học Huế thông báo tuyển sinh Cao học lần 2 năm 2016 (thi tuyển sinh vào cuối tháng 9 năm 2016) như sau:

I. CÁC CHUYÊN NGÀNH TUYỂN SINH:

A. Tuyển sinh tại Đại học Huế (TP Huế):

Gồm 69 chuyên ngành vào các cơ sở giáo dục đại học thành viên:

1. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC

- 1.1. Lý luận văn học (mã số: 60220120),
- 1.2. Văn học Việt Nam (mã số: 60220121),
- 1.3. Ngôn ngữ học (mã số: 60220240),
- 1.4. Triết học (mã số: 60220301),
- 1.5. Lịch sử thế giới (mã số: 60220311),
- 1.6. Lịch sử Việt Nam (mã số: 60220313),
- 1.7. Dân tộc học (mã số: 60310310),
- 1.8. Động vật học (mã số: 60420103),
- 1.9. Sinh học thực nghiệm (mã số: 60420114),
- 1.10. Sinh thái học (mã số: 60420120),
- 1.11. Công nghệ sinh học (mã số: 60420201),
- 1.12. Vật lý chất rắn (mã số: 60440104),
- 1.13. Quang học (mã số: 60440109),
- 1.14. Hoá vô cơ (mã số: 60440113),
- 1.15. Hoá hữu cơ (mã số: 60440114),
- 1.16. Hoá phân tích (mã số: 60440118),
- 1.17. Hoá lý thuyết và hoá lý (mã số: 60440119),
- 1.18. Địa chất học (mã số: 60440201),
- 1.19. Địa lý tài nguyên và môi trường (mã số: 60440220),
- 1.20. Khoa học môi trường (mã số: 60440301),
- 1.21. Lý thuyết xác suất và thống kê toán học (mã số: 60460106),
- 1.22. Toán ứng dụng (mã số: 60460112),
- 1.23. Khoa học máy tính (mã số: 60480101),
- 1.24. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 60850101).

2. TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ

- 2.1. Kinh tế chính trị (mã số: 60310102),

3. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM

- 3.1. Kỹ thuật cơ khí (mã số: 60520103),
- 3.2. Công nghệ thực phẩm (mã số: 60540101),
- 3.3. Chăn nuôi (mã số: 60620105),
- 3.4. Khoa học cây trồng (mã số: 60620110),
- 3.5. Bảo vệ thực vật (mã số: 60620112),
- 3.6. Phát triển nông thôn (mã số: 60620116),
- 3.7. Lâm học (mã số: 60620201),
- 3.8. Nuôi trồng thủy sản (mã số: 60620301),
- 3.9. Thú y (mã số: 60640101),
- 3.10. Quản lý đất đai (mã số: 60850103).

4. TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

- 4.1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh (mã số: 60140111),
- 4.2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Pháp (mã số: 60140111),
- 4.3. Ngôn ngữ Pháp (mã số: 60220203),
- 4.4. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu (mã số: 60220241).

5. TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

- 5.1. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học) (mã số: 60140101),
- 5.2. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - tiếng Việt (mã số: 60140111),
- 5.3. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Lịch sử (mã số: 60140111),
- 5.4. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 60140111),
- 5.5. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 60140111),
- 5.6. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hoá học (mã số: 60140111),
- 5.7. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 60140111),
- 5.8. Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 60140111)
- 5.9. Quản lý giáo dục (mã số: 60140114),
- 5.10. Lý luận văn học (mã số: 60220120),
- 5.11. Văn học Việt Nam (mã số: 6220121),
- 5.12. Văn học nước ngoài (mã số: 60220245)
- 5.13. Lịch sử thế giới (mã số: 60220311),
- 5.14. Lịch sử Việt Nam (mã số: 60220313),
- 5.15. Tâm lý học (mã số: 60310401),
- 5.16. Địa lý học (mã số: 60310501),
- 5.17. Động vật học (mã số: 60420103),
- 5.18. Thực vật học (mã số: 60420111),
- 5.19. Vật lý lý thuyết và vật lý toán (mã số: 60440103),
- 5.20. Hoá vô cơ (mã số: 60440113),
- 5.21. Hoá hữu cơ (mã số: 60440114),
- 5.22. Hoá phân tích (mã số: 60440118),
- 5.23. Hoá lý thuyết và hoá lý (mã số: 60440119),
- 5.24. Địa lý tự nhiên (mã số: 60440217),
- 5.25. Toán giải tích (mã số: 60460102),
- 5.26. Đại số và lý thuyết số (mã số: 60460104),
- 5.27. Hình học và tô pô (mã số: 60460105).

6. TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC

- 6.1. Y học chức năng (mã số: 60720106),
- 6.2. Ngoại khoa (mã số: 60720123),
- 6.3. Sản phụ khoa (mã số: 60720131),
- 6.4. Nhi khoa (mã số: 60720135),
- 6.5. Nội khoa (mã số: 60720140),
- 6.6. Huyết học và truyền máu (mã số: 60720151),
- 6.7. Tai Mũi Họng (mã số: 60720155),
- 6.8. Chẩn đoán hình ảnh (mã số: 60720166),
- 6.9. Y tế công cộng (mã số: 60720301),
- 6.10. Răng Hàm Mặt (mã số: 60720601).

7. TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

- 7.1. Luật kinh tế (mã số: 60380107).

8. KHOA DU LỊCH

- 8.1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (mã số: 60340103)

B. Tuyển sinh tại các địa phương:

Thí sinh dự thi một số chuyên ngành có thể chọn địa điểm dự thi tại các địa phương, cụ thể như sau:

1. Tuyển sinh vào Trường Đại học Sư phạm.

1.1. Thi tuyển sinh tại Trường Đại học An Giang (TP. Long Xuyên), gồm các chuyên ngành:

1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 60140111).
2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học (mã số: 60140111).
3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 60140111).
4. Quản lý giáo dục (mã số: 60140114)

1.2. Thi tuyển sinh tại Trường Đại học Đồng Nai (tỉnh Đồng Nai), gồm các chuyên ngành:

1. Vật lý lý thuyết và vật lý toán (mã số: 60440103).
2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Hóa học (mã số: 60140111).
3. Địa lý tự nhiên (mã số: 60440217).
4. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – tiếng Việt (mã số: 60140111).
5. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán (mã số: 60140111).
6. Quản lý giáo dục (mã số: 60140114)

1.3. Thi tuyển sinh tại Trường Đại học Buôn Mê Thuật (Đăk Lăk), gồm các chuyên ngành:

1. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý (mã số: 60140111).
2. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý (mã số: 60140111).
3. Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Văn – Tiếng Việt (mã số: 60140111).
4. Hóa vô cơ (mã số 60440113)

1.4. Thi tuyển sinh tại Trường Đại học Cửu Long (Vĩnh Long), gồm các chuyên ngành:

1. Quản lý giáo dục (mã số: 60140114).

2. Tuyển sinh vào Trường Đại học Kinh tế.

Thi tuyển sinh tại Trường Đại học Tiền Giang (tỉnh Tiền Giang), gồm các chuyên ngành:

1. Quản trị kinh doanh (mã số: 60340102);
2. Quản lý kinh tế (mã số: 60340410).

3. Tuyển sinh vào Trường Đại học Khoa học.

3.1. Thi tuyển sinh tại trường Đại học An Giang (TP. Long Xuyên), gồm các chuyên ngành:

1. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 60850101);
2. Khoa học máy tính (mã số: 60480101).
3. Khoa học môi trường (mã số: 60440301)

3.2. Thi tuyển sinh tại trường Đại học Cửu Long (tỉnh Vĩnh Long), gồm các chuyên ngành:

1. Quản lý tài nguyên và môi trường (mã số: 60850101);
2. Khoa học máy tính (mã số: 60480101);
3. Khoa học môi trường (mã số: 60440301).

Đại học Huế sẽ chuyển thí sinh đăng ký dự thi tại một điểm địa phương về thi tại một điểm thi địa phương khác hoặc về thi tại Huế, nếu tại địa điểm thi đó có số lượng thí sinh đăng ký dự thi thấp.

II. HÌNH THỨC ĐÀO TẠO:

1. Đào tạo trình độ thạc sĩ được thực hiện theo học chế tín chỉ.
2. Khoá học được tổ chức tập trung toàn bộ thời gian cho việc học tập nghiên cứu.
3. Đại học Huế tổ chức tuyển sinh chung cho hai chương trình đào tạo cao học theo định hướng nghiên cứu và định hướng ứng dụng theo quy định và nhu cầu của người học.

III. ĐIỀU KIỆN DỰ THI:

1. Về văn bằng: Thí sinh dự thi phải có văn bằng đại học do cơ sở giáo dục đại học cấp. Đối với văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định hiện hành.

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện sau đây (trừ các chuyên ngành nêu ở mục 6 dưới đây có một số điều kiện riêng):

- a) Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi;
- b) Đã tốt nghiệp đại học các ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi và đã học bổ sung kiến thức của chương trình đại học trước khi dự thi. Nội dung, khối lượng (số tiết) các môn học bổ sung căn cứ vào quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.
- c) Đã tốt nghiệp đại học ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi và đã hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức để được công nhận là tương đương với chuyên ngành đúng hoặc phù hợp theo quy định về tuyển sinh cao học của Đại học Huế.

2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn (trừ các chuyên ngành nêu ở mục 6 dưới đây có một số điều kiện riêng):

- a) Người có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp đại học.
- b) Những thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần với chuyên ngành đăng ký dự thi phải có ít nhất một năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

c) Những thí sinh thuộc ngành khác với chuyên ngành đăng ký dự thi (gồm các chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Quản lý kinh tế, Khoa học môi trường, Quản lý tài nguyên và môi trường, Phát triển nông thôn; Địa chất học; Địa lý tài nguyên và môi trường) phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực chuyên môn phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

3. Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

4. Có đủ sức khoẻ để học tập.

5. Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định tại các cơ sở giáo dục đại học thành viên và trực thuộc.

6. Điều kiện riêng về văn bằng, kinh nghiệm công tác chuyên môn và đối tượng dự thi cao học của các chuyên ngành:

6.1. Quản lý giáo dục:

6.1.1. Về văn bằng: Người dự thi nếu có bằng tốt nghiệp đại học không phải ngành đúng với chuyên ngành đăng ký dự thi phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

6.1.2. Về kinh nghiệm công tác chuyên môn: Người dự thi phải có ít nhất hai năm kinh nghiệm công tác trong lĩnh vực giảng dạy hoặc quản lý giáo dục tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

6.1.3. Về đối tượng dự thi: Người dự thi phải làm việc tại một trong các vị trí công tác sau đây:

a) Hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường từ mầm non trở lên; trưởng khoa, phó trưởng khoa các trường Cao đẳng và Đại học; lãnh đạo và chuyên viên làm công tác quản lý giáo dục của tổ chức chính trị, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các Tỉnh, Sở/Phòng giáo dục và đào tạo, Phòng/Ban Đào tạo - Giáo vụ của các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp.

b) Tổ trưởng tổ chuyên môn các trường: Tiểu học; Trung học cơ sở; Trung học phổ thông; Trung cấp chuyên nghiệp.

c) Người thuộc diện quy hoạch tạo nguồn quản lý giáo dục: Phải có xác nhận là người thuộc diện quy hoạch tạo nguồn quản lý giáo dục của Nhà trường nơi đang công tác (đối với người đang công tác ở các Đại học, trường Đại học, Viện nghiên cứu) hoặc của đơn vị cấp trên trực tiếp quản lý (đối với người đang công tác ở các trường từ mầm non đến cao đẳng).

6.2. Giáo dục học (Giáo dục Tiểu học):

Người dự thi phải có bằng tốt nghiệp đại học ngành Giáo dục Tiểu học.

6.3. Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu:

Người dự thi cần thoả mãn một trong các điều kiện về văn bằng sau đây:

a) Có bằng tốt nghiệp đại học các hệ: Chính quy, Văn bằng 2 hoặc Vừa học vừa làm ngành đúng hoặc ngành phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi gồm một trong các ngành Ngôn ngữ/Tiếng: Anh, Pháp, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Thái Lan, Lào, Đức, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Italia (Ý), Ả Rập;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc chuyên tu ngành Sư phạm Tiếng Anh;

c) Có bằng tốt nghiệp đại học Tiếng Anh hệ Liên thông;

b) Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy thuộc ngành đúng hoặc phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự thi gồm một trong các ngành: Ngôn ngữ Trung/Tiếng Trung, Việt Nam học (*chuyên ngành Ngôn ngữ - Văn hóa và du lịch*), Ngôn ngữ học (*Ngành Việt ngữ và đã có bằng tốt nghiệp đại học thứ 2 là DH ngoại ngữ*), Sư phạm Tiếng Pháp, Sư phạm Tiếng Nga, Sư phạm Tiếng Trung, Sư phạm Tiếng Nhật, Hàn Quốc học, Nhật Bản học, Đông phương học, Đông Nam Á học, Trung Quốc học, Khu vực Thái Bình Dương học, Quốc tế học.

6.4. Chẩn đoán hình ảnh:

Người dự thi phải có bằng tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hệ chính quy.

6.6. Y học chức năng:

Người dự thi phải thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Có bằng tốt nghiệp Bác sĩ đa khoa hệ chính quy.

b) Có bằng tốt nghiệp cử nhân hệ chính quy loại khá trở lên các ngành: Kỹ thuật Y học (*chuyên ngành xét nghiệm*) từ năm 2014 trở về trước, hoặc ngành Kỹ thuật xét nghiệm Y học sau năm 2014, và phải có ít nhất 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực chuyên môn tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

6.7. Răng Hàm Mặt:

Người dự thi phải thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

a) Tốt nghiệp bác sĩ Răng Hàm Mặt hệ chính quy (6 năm) loại khá trở lên: được đăng ký dự thi ngay sau khi tốt nghiệp, không tính thâm niên công tác.

b) Tốt nghiệp bác sĩ Răng Hàm Mặt hệ chính quy (6 năm) loại trung bình: được tham gia dự thi sau 01 năm công tác trong chuyên ngành đào tạo tính từ ngày cấp bằng tốt nghiệp đại học đến ngày hết hạn nộp hồ sơ dự thi quy định trên thông báo tuyển sinh.

c) Tốt nghiệp bác sĩ đa khoa hệ chính quy (6 năm): cần có chứng chỉ định hướng chuyên khoa Răng Hàm Mặt hoặc bằng chuyên khoa cấp 1 chuyên ngành Răng Hàm Mặt theo đúng quy định của Bộ Y tế.

d) Tốt nghiệp cử nhân Răng Hàm Mặt ở nước ngoài: cần có ít nhất 12 tháng thực hành tại một Bệnh viện hoặc trường Đại học theo quy định của Bộ Y tế hoặc có chứng chỉ định hướng chuyên khoa Răng Hàm Mặt.

IV. ĐỐI TƯỢNG VÀ CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN TRONG TUYỂN SINH:

1. Đối tượng:

Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên khi đáp ứng một trong các điều kiện sau đây:

a) Người đang công tác liên tục từ hai năm trở lên (*tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi*) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành;

b) Thương binh, người được hưởng chính sách như thương binh;

c) Con liệt sĩ;

d) Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

đ) Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ hai năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1;

e) Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học.

2. Chính sách:

a) Người dự thi thuộc đối tượng ưu tiên được cộng một điểm vào kết quả thi (*thang điểm 10*) cho môn cơ bản và mười điểm (*thang điểm 100*) vào kết quả thi môn ngoại ngữ (nếu không thuộc diện miễn thi ngoại ngữ);

b) Người dự thi thuộc nhiều đối tượng ưu tiên chỉ được hưởng chế độ ưu tiên của một đối tượng.

V. CÁC MÔN DỰ THI:

1. Thí sinh phải dự thi 03 môn: Môn Cơ bản, môn Cơ sở, môn Ngoại ngữ

Ngoại ngữ dự thi là một trong hai môn Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp. Riêng thí sinh dự thi Cao học các chuyên ngành: *Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Anh, Lý luận & PPDH bộ môn Tiếng Pháp, Ngôn ngữ Pháp, Ngôn ngữ học so sánh, đối chiếu* phải thi môn ngoại ngữ thứ hai (Tiếng Anh hoặc Tiếng Pháp) không trùng với thứ tiếng của bằng đại học chính.

